|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  Ngày dạy: | Lớp: | Tuần: | Tiết: |

**CHƯƠNG VIII: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG**

BÀI 45: SINH QUYỂN

Môn học: Khoa học tự nhiên - Lớp 8

Thời gian thực hiện: 2 tiết.

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm sinh quyển

- Nhận biết được các khu sinh học trên trái đất

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

***- Năng lực tự chủ và tự học:*** Tích cực tham gia các hoạt động tìm hiểu các khu sinh học trong bài học và thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác****:* Tham gia thảo luận, trình bày, diễn đạt các ý tưởng; Làm việc nhóm hiệu quả.

***- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*** Đề xuất các ý tưởng, phương án để thảo luận, giải quyết các vấn đề nêu ra trong bài học.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

***- Nhận thức khoa học tự nhiên:*** nhận biết được các khu sinh học

***- Tìm hiểu tự nhiên:*** Quan sát và đưa ra đặc điểm nhận dạng của từng khu sinh học.

***- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*** Liện hệ nhận dạng đặc điểm khu sinh học ở địa phương.

**3. Phẩm chất:**

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân;

- Hình thành sự tò mò đối với thế giới tự nhiên, tăng niềm yêu thích khoa học;

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính giáo viên, nam châm.

- Học liệu: SGK, SGV, giáo án, hình ảnh, phiếu học tập, phiếu trả lời câu hỏi của nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định:**

**2. Bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. Mở đầu**

**a) Mục tiêu**: Giới thiệu các quyển trên trái đất

**b) Nội dung**: Học sinh quan sát video nhận diện các quyển trên trái đất

**c) Sản phẩm**: Biết được trái đất có 4 quyển: địa quyển, sinh quyển, thủy quyển và khí quyển.

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ**:  GV: Giới thiệu về trái đất  GV: Chiếu cho hs xem một video về các quyển trên trái đất | HS nhận nhiệm vụ. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:** - Gv yêu cầu hs trả lời câu hỏi:  - Trái đất được chia làm những quyển nào?  - Sự khác nhau giữa địa quyển và sinh quyển? | Quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi |
| **Báo cáo kết quả**: GV: gọi HS trả lời. | **-** HS trả lời và các hs khác bổ sung  + Địa quyển: là tất cả đất đá và các khoáng chất trên trái đất bao gồm những thứ không có sự sống.  + Sinh quyển: toàn bộ thế giới sinh vật và các yếu tố môi trường bao quanh sinh vật. |
| **Tiểu kết:**  **-** Qua câu trả lời của học sinh giáo viên dẫn vào bài mới.  GV: Giới thiệu sơ về thủy quyển và khí quyển, giới thiệu nội dung bài 45: Sinh quyển. | HS: Ghi bài |

**B. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động** **1: Tìm hiểu khái niệm sinh quyển.**

**a) Mục tiêu**: Nêu được khái niệm sinh quyển và các thành phần cấu tạo nên sinh quyển

**b) Nội dung**: HS hoạt động theo nhóm trả lời câu hỏi phiếu học tập 1:

1. Thế nào là sinh quyển?

2. Cấu tạo của sinh quyển gồm những thành phần nào?

**c) Sản phẩm**: HS qua hoạt động nhóm quan sát, thảo luận hoàn thành phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:**  GV: Yêu cầu HS đọc thông tin SGK  GV: Phát phiếu học tập 1, yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập (4’). | HS: nhận nhiệm vụ  - Cá nhân tự đọc thông tin SGK  - Đọc và phân công các thành viên trong nhóm thảo luận hoàn thành phiếu học tập. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  GV: Quan sát quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ học sinh khi cần.  GV: Đặt thêm câu hỏi gởi mở để đưa học sinh đến kiến thức cần nắm. | Các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên. |
| **Báo cáo kết quả**:  GV: gọi đại diện nhóm trả lời các nhóm khác nhận xét bổ sung  GV: Nhận xét hoạt động của các nhóm  GV: Giới thiệu thêm về giới hạn của sinh quyển:  - Giới hạn phía trên của sinh quyển là nơi tiếp giáp với tầng ô-dôn của khí quyển (khoảng 22km).  - Giới hạn phía dưới của sinh quyển xuống dưới đáy của lớp vỏ phong hóa ở lục địa và xuống tận đáy đại dương với độ sâu nhất hơn 11km.  - Thành phần quan trọng nhất của sinh quyển là thực vật. | HS: Đại diện trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung  1. Sinh quyển: là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng với các nhân tố vô sinh của môi trường.  2. Thành phần của sinh quyển:  - Nhân tố vô sinh: lớp đất (thạch quyển), lớp không khí (khí quyển) và lớp nước (thủy quyển)  - Các sinh vật sống (thực vật, động vật, nấm, vi sinh vật…) |
| **Tiểu kết:**  **1. Khái niệm sinh quyển:**  - Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng với các nhân tố vô sinh của môi trường. | HS: Ghi bài |

**Hoạt động** **2: Các khu sinh học chủ yếu của sinh quyển.**

**a) Mục tiêu**: HS nhận biết được các khu sinh học.

**b) Nội dung**: Sử dụng kỹ thuật phòng tranh:

GV: giao nhiệm vụ cho từng nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2

**Nhóm 1:** Tìm hiểu về khhu sinh học trên cạn

- Trên cạn gồm những khu sinh học nào?

- Sinh vật đặc trưng của từng khu sinh học trên cạn?

**Nhóm 2**: Khu sinh học nước ngọt

- Khu sinh học nước ngọt được chia làm những nhóm nào?

- Kể tên một số sinh vật đặc trưng của từng nhóm trong khu sinh học nước ngọt?

- Kể tên các khu sinh học nước ngọt ở địa phương em?

**Nhóm 3:** Tìm hiểu về khhu sinh học biển

- Khu sinh học biển được phân chia như thế nào?

- Kể tên một số sinh vật đặc trưng sinh sống ở khu sinh học biển?

**c) Sản phẩm**: HS qua hoạt động phòng tranh học sinh phân biệt được các khu sinh học và lấy được ví dụ về sinh vật ở các khu sinh học

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:**  GV: Yêu cầu HS đọc thông tin SGK  GV: Phân chia lớp làm 3 nhóm, phân chia khu vực của từng nhóm  GV: Phát phiếu học tập cho từng nhóm yêu cầu các nhóm thảo luận hoàn thành ra giấy A0 (5’)  GV: Yêu cầu các nhóm dán kết quả thảo luận của nhóm mình để các nhóm khác quan sát, nhận xét cho nhóm bạn. Mỗi nhóm được quan sát nhóm bạn (5’) sau đó chuyển tiếp. | HS: nhận nhiệm vụ  - Cá nhân tự đọc thông tin SGK  - Đọc và phân công các thành viên trong nhóm thảo luận hoàn thành phiếu học tập.  - Dán kết quả thảo luận vào vị trí phân công  - Quan sát, ghi nhận xét của bản thân về bài làm của bạn ra giấy notes. |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  GV: Quan sát quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ học sinh khi cần.  GV: Đặt thêm câu hỏi gởi mở để đưa học sinh đến kiến thức cần nắm. | Các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi và làm theo yêu cầu của giáo viên.  - Quan sát, ghi nhận xét của bản thân về bài làm của bạn ra giấy notes. Mỗi nhóm được quan sát nhóm bạn (5’) sau đó tổng hợp theo nhóm. (5’) |
| **Báo cáo kết quả**:  GV: gọi đại diện nhóm (hoặc cá nhân) đưa ra nhận xét bài làm của các bạn mà mình đã được quan sát.  GV: Nhận xét hoạt động của các nhóm | HS: Đưa ra nhận xét, bổ sung, phản biện…  **Nhóm 1:** Tìm hiểu về khhu sinh học trên cạn  - khu sinh học trên cạn : đồng rêu đới lạnh, rừng lá kim phương bắc, rừng ôn đới, rừng nhiệt đới  + đồng rêu đới lạnh: thực vật ( rêu, địa y… ); động vật ( tuần lộc, chim cánh cụt, hải cẩu , gấu trắng  + rừng lá kim phương bắc: thực vật ( thông, linh sam, bách , bạch dương); động vật ( chó sói, linh mêu, cáo , gấu )  + rừng ôn đới : thực vật (sến đỏ, sồi…); động vật ( sóc, chim gõ kiến, hươu, lợn lòi , cáo gấu ..)  + rừng nhiệt đới: thực vật ( dương xỉ, nấm.. ); động vật ( khỉ, rùa, rắn, báo đóm, dơi , hỗ..)  **Nhóm 2**: Khu sinh học nước ngọt  -Khu sinh học nước ngọt được chia làm những nhóm: hệ sinh thái nước đứng, hệ sinh thái nước chảy   * Hệ sinh thái nước đứng:   + Vùng nước nông có các loài thực vật có rễ bám trong bùn, khả năng chịu đựng khi mực nước thay đổi; có các động vật đáy có cơ chế dinh dưỡng chủ yếu là ăn mùn bã hữu cơ.   + Vùng nước sâu vừa có các sinh vật phù du có cấu tạo thích nghi cho phép chúng nổi tự do trong nước.   + Vùng nước sâu có các động vật thích nghi với bóng tối, một số có có quan khứu giác phát triển giúp chúng xác định con mồi trong môi trường thiếu ánh sáng. * Hệ sinh thái nước chảy:   + Thực vật sống ở hệ sinh thái nước chảy thường có rễ sâu để bám giữ hoặc thân nổi thích nghi với điều kiện nước chảy; lá và thân mềm, thuôn dài giúp giảm lực cản từ dòng nước.   + Động vật sống ở vùng thượng lưu – nơi thường có nước chảy xiết thường có khả năng bơi giỏi.   VD. Cá nước ngọt: cá rô phi, cá tràu, cá trắm, cá chép, cá bống, cá mè, cá trê…  **Nhóm 3:** Tìm hiểu về khhu sinh học biển  - Khu sinh học biển được phân chia thành: vùng ven bờ và vùng khơi  VD.Cá nước mặn: cá ngựa, cá hồi, cá voi xanh, cá nọc, cá chim, cá chỉ vàng…. |
| **Tiểu kết:**  **2. Các khu sinh học chủ yếu:**  - Khu sinh học trên cạn  - Khu sinh học nước ngọt  - Khu sinh học biển | HS: Ghi bài |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành phiếu học tập.

**b) Nội dung:** GV cho học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập 3

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học. Hoạt động nhóm để hoàn thành phiếu học tập. | HS nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:** Mỗi nhóm 2 bạn, thảo luận nhóm đôi và hoàn thành phiếu học tập số 3 | Thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập. |
| **Báo cáo kết quả:**  GV: cho HS trao đổi bài để tự chấm  GV chiếu đáp án, nhận xét hoạt động của các nhóm sau khi các nhóm đã có ý kiến bổ sung. | HS: quan sát đáp án, chấm và nhận xét bài cho nhóm bạn |
| **Tổng kết:** GVnhận xét, chiếu đáp án cho HS xem. |  |

**4. Hoạt động 3: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi thực tế.

**b) Nội dung:** GV cho học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm:** Kết quả làm bài của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi sau:  **Câu 1:** Quan sát và xác định nơi các em đang sống có những khu sinh học nào?  **Câu 2:** Giải thích tại sao nói: Thành phần quan trọng nhất của sinh quyển là thực vật?  **Câu 3:** Giải thích nhận định sau: “rừng được xem làm lá phổi xanh của trái đất” | HS nhận nhiệm vụ: |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi qua kiến thức đã học ở trên. | Câu 1: HS quan sát nhận biết  Câu 2: Thực vật là một thành viên quan trọng của sinh quyển:  - Thực vật quang hợp tạo ra oxygen cung cấp cho quá trình hô hấp của các sinh vật khác  - Thực vật là thức ăn của động vật. Mối quan hệ: Nơi nào thực vật phong phú thì động vật phong phú và ngược lại.  Câu 3: Rừng được coi là lá phổi của Trái Đất vì trong quá trình quang hợp, thực vật hấp thụ khí CO2 và thải ra khí O2 giúp điều hòa không khí. |
| **Báo cáo kết quả:** gọi HS trả lời, nhận xét |  |

**C. DẶN DÒ**

- HS về nhà học bài, làm bt SGK, SBT;

- Chuẩn bị bài tiếp theo: đọc bài trước ở nhà.

Nhóm thực hiện: ……………………

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

1. Thế nào là sinh quyển?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

2. Cấu tạo của sinh quyển gồm những thành phần nào?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

------------------------------------//-----------------------------------

Nhóm thực hiện:…………………… Nhóm nhận xét: ……………………

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Nhóm 1:** Tìm hiểu về khhu sinh học trên cạn

- Trên cạn gồm những khu sinh học nào?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Sinh vật đặc trưng của từng khu sinh học trên cạn?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Yếu tố nào quyết định việc hình thành các khu sinh học trên cạn?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Nhóm 2**: Khu sinh học nước ngọt

- Khu sinh học nước ngọt được chia làm những nhóm nào?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Kể tên một số sinh vật đặc trưng của từng nhóm trong khu sinh học nước ngọt?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Dựa vào yếu tố nào để phân loại các nhóm trong khu sinh học nước ngọt?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Kể tên các khu sinh học nước ngọt ở địa phương em?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Nhóm 3:** Tìm hiểu về khhu sinh học biển

- Khu sinh học biển được phân chia như thế nào?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Kể tên một số sinh vật đặc trưng sinh sống ở khu sinh học biển?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

- Yếu tố nào quyết định việc phân chia các vùng ở khu sinh học biển?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

------------------------------------//-----------------------------------

Nhóm thực hiện:…………………… Nhóm chấm: ……………………

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

***Câu 1: Kiểu thảm thực vật nào sau đây phân bố ở nơi có kiểu khí hậu ôn đới lục địa (lạnh)?***

**A.**Rừng lá kim.

**B.**Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp.

**C.**Rừng nhiệt đới ẩm.

**D.**Rừng cận nhiệt ẩm.

**Đáp án: A**

***Câu 2: Nhận định nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?***

**A.**Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

**B.**Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

**C.**Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

**D.**Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

**Đáp án: C**

***Câu 3: Yếu tố khí hậu nào sau đây không ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?***

**A.**Nước.

**B.**Ánh sáng.

**C.**Độ ẩm.

**D.**Nhiệt độ.

**Đáp án: A**

***Câu 4: Nhân tố sinh học quyết định đối với sự phát triển và phân bố của động vật là:***

**A.**độ ẩm.

**B.**thức ăn.

**C.**nơi sống.

**D.**nhiệt độ.

**Đáp án: B**

***Câu 5: Phát biểu nào sau đây không đúng với sinh quyển?***

**A.**Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.

**B.**Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.

**C.**Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.

**D.**Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn

**Đáp án: B**

***Câu 6: Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có***

**A.** toàn bộ thực vật sinh sống.

**B.** tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.

**C.** toàn bộ sinh vật sinh sống.

**D**. thực, động vật; vi sinh vật.

**Đáp án: C**

***Câu 7: Nhận định nào sau đây không đúng về đặc điểm của sinh quyển?***

**A.** Sinh vật phân bố không đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

**B.** Giới hạn của sinh quyển bao gồm toàn bộ thuỷ quyển và khí quyển.

**C.** Chiều dày của sinh quyển tuỳ thuộc vào giới hạn phân bố của sinh vật.

**D.** Sinh vật tập trung vào nơi có thực vật mọc, dày khoảng vài chục mét.

**Đáp án: B**

***Câu 8: Ý nào sau đây không đúng?***

**A.** Sinh vật tập trung với mật độ cao nhất ở nơi có thực vật sinh sống.

**B.** Sinh vật phân bố không đều trong toàn bộ bề dày của sinh quyển.

**C.** Cấu trúc sinh quyển được xác định bởi hoạt động của cơ thể sống.

**D.** Khối lượng vật chất của sinh quyển nhiều hơn so với các quyển khác.

**Đáp án: D**

***Câu 9: Các sông, suối, hồ, đầm thuộc loại khí sinh học nào sau đây?***

**A.** các khu sinh học trên cạn

**B.** khu sinh học nước ngọt

**C.** khu sinh học nước mặn

**D.** Thuộc thủy quyển và thạch quyển.

**Đáp án: B**

**RUBRICS ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC**

- Kết thúc bài học. Gv cho Hs tự đánh giá theo bảng sau

Cá nhân học sinh:

Họ và tên học sinh: ……………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm, các khu sinh học của sinh quyển |  |  |  |  |
| Lấy được ví dụ các sinh vật đặc trưng cho các khu sinh học |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức 1 (5đ)** | **Mức 2 (7đ)** | **Mức 3 (10đ)** | **Điểm** |
| Trả lời câu hỏi | Trả lời được khoảng 50% các ý đúng, diễn đạt còn chưa súc tích. | Trả lời được hầu hết các ý đúng, có thể viết còn dài hoặc quá ngắn. | Trả lời đúng câu hỏi. Viết/ trình bày rõ ràng, ngắn gọn. |  |
| Đóng góp ý kiến | Chỉ nghe ý kiến | Có ý kiến | Có nhiều ý kiến, ý tưởng |  |
| Tiếp thu, trao đổi ý kiến, hỗ trợ bạn cùng nhóm | Lắng nghe | Có lắng nghe, phản hồi | Lắng nghe ý kiến các thành viên khác, phản hồi và tiếp thu ý kiến có hiệu quả |  |

Nội dung đánh giá hoạt động phòng tranh:

----------------------------------------------